

Số: 03/NQ-HĐND

Minh Thạnh, ngày 07 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách xã năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ MINH THẠNH**  
**KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP, ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Sau khi xem xét Tờ trình số 291/TTr-UBND, ngày 30 tháng 6 năm 2023 của UBND xã Minh Thạnh; Báo cáo thẩm tra số 25/BC-HĐND, ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến đóng góp của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách xã năm 2022 như sau:

**1. Tổng thu ngân sách xã:** 24.462.584.197 đồng, (Hai mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng) đạt 113,75% so với chỉ tiêu giao. Trong đó:

- Thu mới ngân sách xã hưởng: 412.129.618 đồng, (Bốn trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm mười tám đồng) đạt 97,40% so với chỉ tiêu giao.



## QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ MINH THẠNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND xã Minh Thạnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>21.505</b>	<b>24.462</b>	2.957	113,75%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	423	412	(11)	97,40%
-	Thu NSDP hưởng 100%	423	412	(11)	97,40%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia			-	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20.401	20.401	-	100,00%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	16.859	16.859	-	100,00%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.542	3.542	-	100,00%
III	Thu kết dư	681	2.271	1.590	
IV	Thu chuyển nguồn		1.378		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>23.106</b>	<b>22.089</b>	(1.017)	95,60%
1	Tổng chi cân đối NSDP	23.106	22.089	(1.017)	95,60%
1	Chi đầu tư phát triển	4.000	4.000	-	100,00%
2	Chi thường xuyên	17.728	16.012	(1.716)	90,32%
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau	1.378	2.077		
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP</b>		<b>2.373</b>		

## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ MINH THẠNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND xã Minh Thạnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP (I+II+III)</b>	<b>23.106</b>	<b>22.089</b>	<b>(1.017)</b>	<b>95,60%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>4.000</b>	<b>4.000</b>	<b>-</b>	<b>100,00%</b>
-	Chi giao thông nông thôn	4.000	4.000	-	100,00%
-	Chi đầu tư khác			-	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>17.728</b>	<b>16.012</b>	<b>(1.716)</b>	<b>90,32%</b>
1	Chi giáo dục	90	77		
2	Chi quốc phòng	2.332	2.076	(256)	89,02%
3	Chi an ninh trật tự an toàn xã hội	1.686	1.649	(37)	97,81%
4	Chi y tế	85	67	(18)	78,82%
5	Chi văn hóa	835	767	(68)	91,86%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	335	297	(38)	88,66%
7	Chi sự nghiệp giao thông	500	477	(23)	95,40%
8	Chi kiến thiết thị chính	200	196	(4)	98,00%
9	Chi hoạt động của quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	10.896	10.146	(750)	93,12%
10	Chi đảm bảo xã hội	352	260	(92)	73,86%
11	Dự phòng	417			
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>1.378</b>	<b>2.077</b>		

**TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND xã Minh Thạnh)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
<b>Tổng thu</b>	<b>21.504.897.000</b>	<b>21.504.897.000</b>	<b>24.462.584.197</b>	<b>24.462.584.197</b>	<b>113,75</b>	<b>113,75</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>423.000.000</b>	<b>423.000.000</b>	<b>412.129.618</b>	<b>412.129.618</b>	<b>97,43</b>	<b>97,43</b>
- Phí, lệ phí	50.000.000	50.000.000	89.985.000	89.985.000	179,97	179,97
- Thu thuế phi nông nghiệp + nhà đất	93.000.000	93.000.000	63.433.656	63.433.656	68,21	68,21
- Thu phạt ATGT	50.000.000	50.000.000	21.200.000	21.200.000	42,40	42,40
- Thu phạt VPHC	30.000.000	30.000.000	18.750.000	18.750.000	62,50	62,50
- Thu khác	200.000.000	200.000.000	218.760.962	218.760.962	109,38	109,38
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
<b>I. Các khoản thu phân chia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
- Thuế GTGT						
<b>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>						
- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
-						
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>1.377.969.770</b>	<b>1.377.969.770</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>681.000.000</b>	<b>681.000.000</b>	<b>2.271.587.809</b>	<b>2.271.587.809</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>20.400.897.000</b>	<b>20.400.897.000</b>	<b>20.400.897.000</b>	<b>20.400.897.000</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	16.859.000.000	16.859.000.000	16.859.000.000	16.859.000.000	100,00	100,00
- Bổ sung có mục tiêu	3.541.897.000	3.541.897.000	3.541.897.000	3.541.897.000	100,00	100,00

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND xã Minh Thạnh)

Đơn vị: đồng

Chương	Mục	Tiểu mục	Diễn giải	Quyết toán
805			Văn phòng Ủy ban nhân dân	279.005.000
	2700		Phí thuộc lĩnh vực tư pháp	89.985.000
		2716	Phí chứng thực	89.985.000
	4250		Thu tiền phạt	44.250.000
		4252	Phạt vi phạm giao thông	10.250.000
		4299	Phạt vi phạm khác	34.000.000
	4900		Các khoản thu khác	144.770.000
		4949	Các khoản thu khác	144.770.000
809			Ban công an	40.420.000
	4250		Thu tiền phạt	36.700.000
		4252	Phạt vi phạm giao thông	10.950.000
		4263	Phạt vi phạm hành chính về trật tự, an ninh, quốc phòng	18.750.000
		4299	Phạt vi phạm khác	7.000.000
	4300		Thu tịch thu	3.720.000
		4349	Tịch thu khác	3.720.000
857			Kinh tế cá thể	64.804.618
	1600		Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	63.433.656
		1601	Thu từ đất ở tại nông thôn	63.433.656
	4900		Các khoản thu khác	1.370.962
		4944	Tiền chậm nộp các khoản khác	1.370.962
860			Các quan hệ khác của ngân sách	24.078.354.579
	900		Nguồn năm trước chuyển năm nay	1.377.969.770
		0912	Nguồn năm trước đã giao đơn vị theo chế độ được phép chuyển sang năm nay (kinh phí mua sắm)	70.283.000
		0913	Nguồn năm trước đã giao đơn vị được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm nay	1.307.686.770
	4650		Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	20.400.897.000
		4651	Bổ sung cân đối ngân sách	17.100.897.000
		4655	Bổ sung có mục tiêu bằng vốn trong nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và chính sách	3.300.000.000
	4800		Thu kết dư ngân sách năm trước	2.271.587.809
		4801	Thu kết dư ngân sách năm trước	2.271.587.809
	4900		Các khoản thu khác	27.900.000
		4902	Thu hồi các khoản chi năm trước	27.900.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>24.462.584.197</b>

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng số): 24.462.584.197

Tổng quyết toán thu ngân sách xã (bằng chữ): Hai mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn một trăm chín mươi bảy đồng